

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ

Đỗ Anh Dũng

Vụ Giáo dục Trung học, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Tóm tắt. Nghiên cứu này đánh giá thực trạng cơ cấu ngành công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ theo các tiêu chí: cơ cấu theo ngành công nghiệp; quy mô và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp, quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo 4 nhóm ngành trong giai đoạn từ 2005 đến 2016. Kết quả đánh giá cho thấy, quy mô giá trị sản xuất công nghiệp trong vùng tăng nhanh, đóng góp cao vào gia tăng quy mô giá trị sản xuất công nghiệp cả nước, thể hiện được việc khai thác và phát huy được các nguồn lực phát triển công nghiệp và có vai trò quan trọng đối với ngành công nghiệp của nước ta. Trong cơ cấu ngành công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, ngành công nghiệp điện tử tin học và chế biến, chế tạo chiếm tỉ trọng cao, những ngành này được coi là động lực cho sự phát triển công nghiệp trong vùng. Đánh giá thực trạng phát triển cơ cấu ngành công nghiệp là một trong những luận cứ quan trọng để đưa ra những định hướng phát triển công nghiệp cho vùng.

Từ khóa: Cơ cấu ngành công nghiệp, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

1. Mở đầu

Công nghiệp là ngành kinh tế quan trọng trong hệ thống các ngành kinh tế quốc dân, khi đánh giá về thực trạng phát triển kinh tế các chỉ số phát triển ngành công nghiệp có vai trò quan trọng, đặc biệt đối với nước ta đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên thế giới Trong số các công trình khoa học nổi tiếng nghiên cứu về công nghiệp cần phải kể đến “Thuyết định vị công nghiệp” của Alfred Webber (1868-1958) đưa ra năm 1909 trong công trình “Über den Standort der Industrie” (Theory of the Location of Industries). Trong nghiên cứu này, A. Weber đề xuất cơ sở lý thuyết cho việc tính toán các yếu tố không gian nhằm tìm kiếm vị trí tối ưu và chi phí tối thiểu cho các xí nghiệp công nghiệp [1]. Theo ông, mục tiêu quan trọng nhất của việc tập trung hóa sản xuất công nghiệp theo không gian là “cực tiểu hóa chi phí và cực đại hóa lợi nhuận”. Đối với mỗi địa điểm (lãnh thổ) khi nghiên cứu, lựa chọn để đầu tư phát triển công nghiệp cần tập trung vào ba yếu tố căn bản:

Ngày nhận bài: 19/8/2018. Ngày sửa bài: 19/11/2018. Ngày nhận đăng: 12/12/2018.
Tác giả liên hệ: Đỗ Anh Dũng. Địa chỉ e-mail: dungda@moet.gov.vn

- Hướng đến các lãnh thổ có chi phí vận tải thấp nhất.
- Hướng theo yếu tố lao động nghĩa là các lãnh thổ có giá nhân công rẻ.
- Sự tích tụ, nghĩa là các khu vực tập trung nhiều xí nghiệp công nghiệp.

Sau này, nhiều tác giả đã vận dụng và phát triển, hoàn thiện hơn lí thuyết của Webber như Douglass C. North trong công trình “Lí thuyết vị trí và phát triển kinh tế vùng” [2], Mary Amiti trong công trình “Lí thuyết thương mại mới và định vị công nghiệp ở EU: Khảo sát các bằng chứng” [3]... Thuyết “Định vị công nghiệp” cùng các nghiên cứu bổ sung, mở rộng dù không trực tiếp phân tích về cơ cấu công nghiệp song là tài liệu tham khảo có giá trị đối với luận án trong việc phân tích thực trạng và luận giải về định hướng, giải pháp đối với cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Trong nghiên cứu *Phát triển công nghiệp: một số trường hợp cá biệt hóa và định hướng chính sách* [4] tác giả Dani Rodrik của Đại học Havard đã chỉ ra sự phát triển đa dạng của các hoạt động công nghiệp, đặc biệt là trong công nghiệp chế biến và đề xuất một số định hướng chính sách phát triển. Trong nghiên cứu, tác giả đã đưa ra 07 giả thuyết đáng chú ý: (1) Sự phát triển kinh tế đòi hỏi phải đa dạng hóa chứ không phải chuyên môn hóa, (2) Các quốc gia có được sự tăng trưởng nhanh chóng là nhờ vào khu vực công nghiệp chế biến mạnh, (3) Việc gia tăng tốc độ tăng trưởng nền kinh tế có liên quan đến việc chuyển dịch cơ cấu các ngành chế biến, (4) Các mô hình chuyên môn hóa sản xuất không bị kìm hãm bởi các nhân tố lợi thế, (5) Các quốc gia làm tốt công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm sẽ phát triển nhanh hơn, (6) Có sự hội tụ vô điều kiện ở cấp độ các sản phẩm riêng lẻ, (7) Một số mô hình chuyên môn hóa có lợi hơn so với các mô hình khác để thúc đẩy cải tiến năng lực trong ngành công nghiệp.

Ở trong nước, công nghiệp và cơ cấu công nghiệp là một nội dung quan trọng của Địa lí học và Kinh tế học vì thế đã được nhiều tác giả nghiên cứu cả về lí thuyết và thực tiễn. Trong giáo trình *Địa lí kinh tế - xã hội đại cương* [5], tác giả Nguyễn Minh Tuệ đã dành một chương (chương VIII) để giới thiệu về địa lí công nghiệp. Trong chương này, tác giả ngoài việc nêu một số vấn đề lí luận chung (quan niệm, vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng), tác giả phân tích đặc điểm và hiện trạng một số ngành công nghiệp quan trọng trên thế giới và các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp. Ở các giáo trình Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam đã đi sâu vào phân tích đặc điểm phát triển của ngành công nghiệp Việt Nam, trong đó ngoài nội dung đánh giá tình hình phát triển nói chung còn phân tích cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần và theo lãnh thổ khá đầy đủ [6]. Giáo trình Kinh tế phát triển [7] ngoài việc phân tích một số vấn đề lí luận có liên quan đến cơ cấu công nghiệp (trong Chương 4) tác giả cũng dành riêng một chương (Chương 14) để phân tích các vấn đề về công nghiệp và công nghiệp hóa trong phát triển kinh tế. Trong tuyển tập *Tài cơ cấu kinh tế để phục hồi tốc độ tăng trưởng* của Viện Chiến lược phát triển (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), tác giả Dương Đình Giám đã công bố nghiên cứu *Việt Nam nên lựa chọn các ngành, lĩnh vực công nghiệp nào để ưu tiên phát triển* [8], trong nghiên cứu, tác giả đã luận giải lí do cần thiết phải lựa chọn các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên như nguồn lực quốc gia có hạn, Việt Nam là nước đi sau trong quá trình công nghiệp hóa và chịu sức ép hội nhập lớn, các ngành ưu tiên sẽ tạo động lực và có sức lan tỏa tới các ngành khác...

Để đánh giá các chỉ tiêu phát triển công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, trong bài viết này, tác giả xử lí và phân tích nguồn số liệu từ Tổng cục thống kê và Cục

thống kê của các tỉnh thành phố thuộc Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, làm sáng tỏ thực trạng cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong giai đoạn 2005 – 2016; giải pháp hoàn thiện cơ cấu công nghiệp ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong giai đoạn 2018 - 2030 hướng đến mục tiêu phát triển ngành công nghiệp của vùng hiệu quả, bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các tiêu chí đánh giá cơ cấu ngành công nghiệp

Khi phân tích cơ cấu công nghiệp dưới góc độ ngành, các chỉ tiêu thường được sử dụng là:

- Quy mô và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp
- Quy mô và cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo 4 nhóm ngành (theo quyết định 27/2018/QĐ-TTg) [9]..: Công nghiệp khai thác; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; Công nghiệp quản lý và xử lý nước thải, rác thải.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Quy mô và tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành công nghiệp

Quy mô giá trị sản xuất công nghiệp của vùng có xu hướng tăng nhanh, xét trong giai đoạn 2005-2016 tăng từ 195,0 nghìn tỉ đồng (giá thực tế) lên 2067,5 nghìn tỉ đồng. Chỉ số phát triển giá trị sản xuất công nghiệp trung bình năm trong giai đoạn 2005 – 2016 đạt 123,9%. Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước, tỉ trọng của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có xu hướng tăng khá nhanh, từ 19,7% năm 2005 tăng lên 27,4% năm 2016.

Bảng 1. Giá trị sản xuất công nghiệp cả nước và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ 2005 – 2016 (Đơn vị: nghìn tỉ đồng)

Năm	2005	2010	2016
Cả nước	988	2963,5	7536,2
Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	195,0	639,4	2067,2
<i>Tỉ trọng so với cả nước (%)</i>	<i>19,7</i>	<i>21,5</i>	<i>27,4</i>

(Nguồn: Tác giả tính toán từ [10-12])

Do có quy mô lớn và chỉ số phát triển giá trị sản xuất công nghiệp trung bình năm cao, sự xuất hiện của một số các tổ hợp sản xuất công nghiệp, nên trong giai đoạn 2005 – 2016 Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ chiếm tới 28,6% gia tăng quy mô giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước (chỉ xếp sau Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với 42,0%).

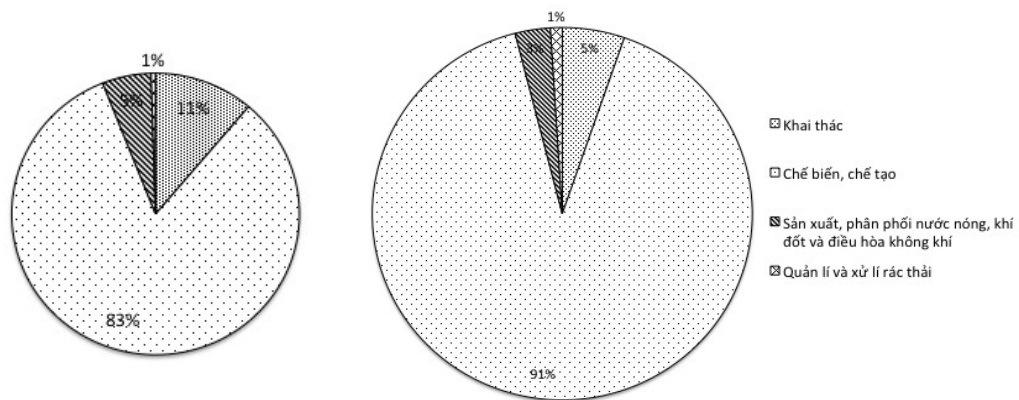
2.2.2. Cơ cấu công nghiệp theo ngành

a) Cơ cấu công nghiệp phân theo ngành cấp 1

Tùy theo quan điểm tiếp cận mà sản xuất công nghiệp được phân loại thành các nhóm ngành khác nhau. Ví dụ: theo yêu cầu về công nghệ sản xuất, chia ra các ngành công nghiệp công nghệ cao (điện tử, hàng không vũ trụ...) và các ngành còn lại; theo thời gian xuất hiện, chia thành công nghiệp hiện đại và công nghiệp truyền thống; theo

công dụng kinh tế của sản phẩm chia thành hai nhóm: công nghiệp nặng (nhóm A) gồm các ngành công nghiệp năng lượng, luyện kim, chế tạo máy, điện tử- tin học, hoá chất, vật liệu xây dựng... và công nghiệp nhẹ (nhóm B) gồm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và công nghiệp thực phẩm [5] ... song cách phân loại phổ biến nhất trên thế giới hiện nay vẫn là theo đối tượng tác động. Theo quan điểm này, công nghiệp bao gồm những hoạt động sản xuất, bắt đầu từ hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên, tách đối tượng lao động ra khỏi thiên nhiên và hoạt động chế biến các tài nguyên có được từ khai thác, làm thay đổi hoàn toàn về chất các nguyên liệu ban đầu, biến chúng thành những sản phẩm tương ứng hoặc nguồn nguyên liệu tiếp theo để sản xuất ra các sản phẩm khác phục vụ nhu cầu đa dạng của con người. Từ quan điểm trên, sản xuất công nghiệp thường được chia thành các nhóm ngành trong đó quan trọng hơn cả là 2 nhóm ngành: công nghiệp khai thác và công nghiệp chế biến. Ở Việt Nam, theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam [9], khu vực công nghiệp bao gồm 4 phân ngành cấp 1: Khai khoáng; Công nghiệp chế biến, chế tạo; Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí; Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải. Quyết định này là cơ sở cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Tổng cục Thống kê, các ban ngành có liên quan và các địa phương tổ chức thống kê hoạt động sản xuất công nghiệp trong cả nước.

Dưới góc độ 04 nhóm ngành cấp 1, cơ cấu công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ ngoài những nét chung với cơ cấu công nghiệp của cả nước, còn có những nét đặc thù riêng: Công nghiệp chế biến vẫn luôn là ngành có tỉ trọng chiếm ưu thế tuyệt đối trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành công nghiệp và có xu hướng tăng (tăng 7,9%) trong giai đoạn 2005 – 2016.



Năm 2005

Năm 2016

(Nguồn: Xử lý từ [10-12])

Hình 1. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo 4 nhóm ngành ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ năm 2005 và năm 2016

Ba nhóm ngành còn lại chiếm tỉ trọng nhỏ và đều có dấu hiệu giảm, hoặc tăng không đáng kể, giảm nhanh nhất là nhóm ngành công nghiệp khai thác (giảm 5,9%) trong khi

Đánh giá thực trạng cơ cấu ngành công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

các nhóm ngành phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hoà không khí giảm 2,5%, quản lý và xử lý nước thải, rác thải tăng 0,5%

Sở dĩ có sự chênh lệch tỉ trọng rất lớn giữa 4 nhóm ngành trên, đặc biệt là giữa nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với 03 nhóm ngành còn lại chủ yếu là do đặc điểm về cơ cấu ngành cũng như khả năng khai thác các thế mạnh đối với việc phát triển từng nhóm ngành ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ:

- Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có cơ cấu ngành đa dạng với rất nhiều ngành nhỏ và sản phẩm của ngành phục vụ những nhu cầu thiết yếu của con người. Chính vì thế, đây là nhóm ngành tập trung thu hút phần lớn các nguồn lực quan trọng cho phát triển công nghiệp (lao động, vốn đầu tư, khoa học công nghệ,...) của vùng, đặc biệt là các dự án tâm cỡ của vùng trong giai đoạn vừa qua chủ yếu tập trung trong lĩnh vực này.

- Công nghiệp khai thác của vùng chiếm tỉ trọng lớn thứ 2 dựa vào nguồn tài nguyên thiên nhiên khá đa dạng, đặc biệt là than đá và vật liệu xây dựng. Tuy nhiên, do đặc thù phụ thuộc chặt chẽ vào nguồn tài nguyên thiên nhiên cùng với chiến lược khai thác đi đôi với bảo vệ môi trường và dự trữ cho tương lai nên tốc độ khai thác các nguồn tài nguyên trên tăng trưởng thấp hơn nhiều so với các mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo. Đây là sự chuyển dịch cơ cấu phù hợp với xu thế chung của cả nước trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ tăng trưởng nhờ thâm dụng tài nguyên (còn gọi là “tăng trưởng nâu”) sang tăng trưởng xanh dựa trên việc phát triển các sản phẩm hiện đại, thân thiện hơn với môi trường.

- Công nghiệp sản xuất phân phối điện, khí đốt, nước nóng và điều hoà không khí mặc dù có sự phát triển mạnh trong thời gian gần đây do nhu cầu của thị trường tăng mạnh, đặc biệt là nhu cầu sử dụng điện cho cả sản xuất và sinh hoạt. Hàng loạt các nhà máy điện mới được đưa vào vận hành ở Hải Phòng, Quảng Ninh (như nhiệt điện Hải Phòng 1, 2, nhiệt điện Mạo Khê, nhiệt điện Cẩm Phả, nhiệt điện Mông Dương...) nâng tổng công suất điện phát ra của vùng tăng rất nhanh đồng thời tăng tỉ trọng của nhóm ngành này ở Hải Phòng (chiếm 8,9%-năm 2016) và Quảng Ninh (11,3%).

- Công nghiệp quản lý và xử lý nước thải, rác thải do có cơ cấu ngành đơn giản, chưa được chú trọng quan tâm đầu tư (do đòi hỏi công nghệ cao và lợi nhuận khá bấp bênh) nên chiếm tỉ trọng nhỏ và tăng không đáng kể trong cơ cấu ngành công nghiệp của vùng. Tuy nhiên, trong tương lai, do những đòi hỏi về mặt đảm bảo vấn đề môi trường cùng những tiến bộ về khoa học công nghệ thì đây được dự báo là nhóm ngành có nhiều triển vọng phát triển ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

b) Cơ cấu công nghiệp theo ngành (cấp 2)

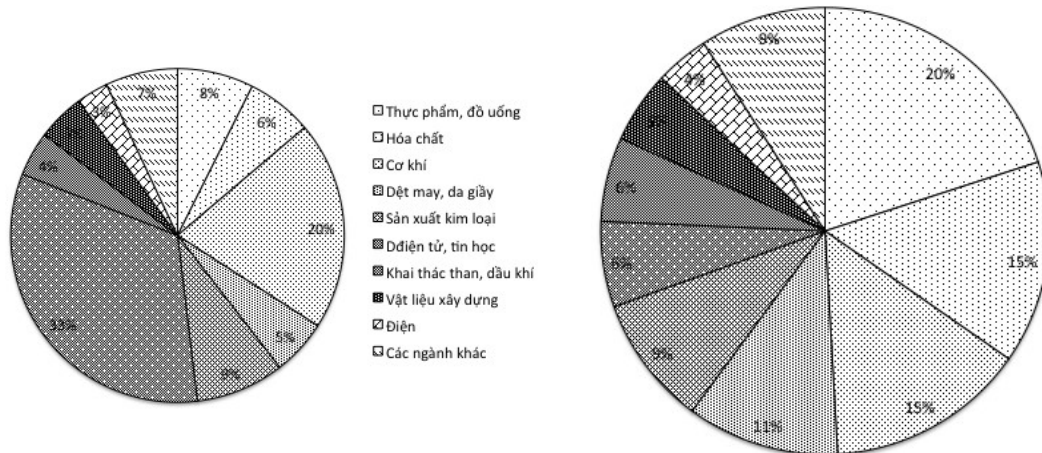
Cơ cấu công nghiệp phân theo ngành cấp 2 của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ hết sức đa dạng và có hầu hết các ngành trong bảng phân loại các ngành công nghiệp ở Việt Nam [9], kết quả phát triển này do vùng hội tụ nhiều lợi thế phát triển công nghiệp như: tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực, chính sách phát triển công nghiệp, đặc biệt là yếu tố khoa học công nghệ và thu hút đầu tư nước ngoài... So sánh với cơ cấu công nghiệp của cả nước ta càng thấy rõ hơn: nếu cả nước chiếm tỉ trọng cao nhất là ngành công nghiệp thực phẩm, đồ uống và cơ khí, thì ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ chiếm tỉ trọng lớn là ngành điện tử, tin học và cơ khí.

Cơ cấu công nghiệp theo ngành của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có sự chuyển

địch rõ nét trong giai đoạn 2005 – 2016, trong đó vị thế của các ngành công nghiệp được coi là trọng điểm của vùng cũng có nhiều thay đổi.

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Cả nước



(Nguồn: Tính toán từ [10- 12])

Hình 2. So sánh cơ cấu công nghiệp theo ngành (cấp 2) của Vùng kinh tế trọng điểm và cả nước năm 2016

Trước đây, công nghiệp cơ khí luôn là ngành chiếm tỉ trọng dẫn đầu với tỉ trọng chiếm ưu thế rõ nét (32,9% giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng vào năm 2005), sau đó đến điện tử (14,1%), thực phẩm - đồ uống (8,8%), vật liệu xây dựng (7,0%), hóa chất (5,5%), dệt may - da giày (5,4%). Tuy nhiên, trong những năm gần đây tỉ trọng ngành công nghiệp điện tử - tin học tăng mạnh và vượt lên so với công nghiệp cơ khí (32,9%, năm 2016) sau khi hàng loạt các dự án quy mô lớn ở lĩnh vực này đi vào hoạt động, đặc biệt là dự án tổ hợp Samsung ở Bắc Ninh, dự án của LG Display tại Hải Phòng... Sau công nghiệp điện tử và cơ khí chế tạo lần lượt là các ngành công nghiệp sản xuất kim loại, thực phẩm – đồ uống, hóa chất, phân bón, công nghiệp dệt may, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.

Bảng 2. Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo ngành cấp 2 Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ năm 2005 và 2016 (Đơn vị: %)

Ngành	Năm 2005	Năm 2016
Thực phẩm, đồ uống	8,8	7,4
Hóa chất	5,5	6,4
Cơ khí	32,9	20,3
Dệt may, da giày	5,4	5,4
Sản xuất kim loại	5,8	8,6
Điện tử, tin học	14,1	32,9
Khai thác than, dầu khí	4,3	4,3

Đánh giá thực trạng cơ cấu ngành công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Vật liệu xây dựng	7,0	4,6
Điện	3,0	3,1
Các ngành khác	12,2	7,0
Tổng số	100,0	100,0

Sau đây tác giả phân tích tình hình phát triển và cơ cấu của một số ngành công nghiệp quan trọng của vùng:

- Công nghiệp điện tử, tin học

Mặc dù là ngành công nghiệp xuất hiện muộn hơn so với nhiều ngành công nghiệp mang tính truyền thống khác song đây là ngành có tốc độ tăng trưởng rất nhanh và hiện có tỉ trọng đứng đầu trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp của vùng với tỉ trọng chiếm khoảng 32,9% (năm 2016). Sự phát triển nhanh chóng của ngành này ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ dựa trên lợi thế về nguồn lao động và kết cấu hạ tầng nhờ vậy đã thu hút được các tập đoàn điện tử hàng đầu thế giới như Samsung, LG của Hàn Quốc hay Canon của Nhật Bản. Mặc dù vậy, phần lớn các xí nghiệp sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính trong vùng mới chỉ đảm nhận khâu lắp ráp và đóng gói trước khi xuất khẩu vì thế giá trị gia tăng đối với vùng còn hạn chế. Tuy nhiên cũng cần thừa nhận sức lan tỏa từ các dự án lớn nêu trên đối với vùng là rất đáng kể, đặc biệt là đối với dự án Samsung ở Bắc Ninh bởi ngoài việc giải quyết việc làm cho số lượng lớn lao động trong vùng thì sự xuất hiện của tổ hợp này còn kéo theo sự phát triển của một số ngành công nghiệp hỗ trợ cũng như thúc đẩy các dịch vụ về logistic, ngoại thương, ngân hàng... phát triển.

- Công nghiệp cơ khí

Công nghiệp cơ khí là ngành đứng thứ hai về giá trị sản xuất công nghiệp của vùng mặc dù tỉ trọng giá trị sản xuất của ngành trong toàn ngành công nghiệp giảm đáng kể trong giai đoạn 2005 – 2016 (từ 32,9% xuống 20,3%). Công nghiệp cơ khí là ngành có cơ cấu đa dạng với các phân ngành: (1) Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị), (2) Sản xuất thiết bị điện, (3) Sản xuất máy móc, thiết bị thông dụng hoặc chuyên dụng, (4) Sản xuất xe có động cơ, (5) Sản xuất phương tiện vận tải khác, (6) Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế và (7) Công nghiệp chế biến, chế tạo khác. Thế mạnh của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ trong việc phát triển công nghiệp cơ khí là nguồn vốn để đầu tư cho dây chuyền công nghệ và thị trường tiêu thụ rộng, bởi rất nhiều sản phẩm trong nhóm ngành này đòi hỏi chi phí đầu tư lớn về dây chuyền công nghệ (như sản xuất nồi hơi trung tâm, sản xuất các bộ phận của cấu trúc xây dựng...). Hiện nay Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ cũng là đầu mối cung cấp nhiều sản phẩm trong nhóm này cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu (các mặt hàng nội thất hoặc một số loại thiết bị điện).

Trong ngành cơ khí của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thủy từng được coi là ngành có nhiều điều kiện để phát triển và đã được đầu tư mạnh mẽ với kỳ vọng trở thành ngành hạt nhân thúc đẩy phát triển khu vực duyên hải Quảng Ninh, Hải Phòng. Tuy nhiên do những yếu kém trong quản lí, điều hành gây nên những thiệt hại kinh tế rất lớn và đi xuống nhanh chóng của ngành này ở vùng. Theo quan điểm cá nhân tác giả, việc lựa chọn đầu tư phát triển với quy mô rất lớn đối với ngành này

ở vùng không thật phù hợp bởi đặc thù về nhu cầu thị trường (lượng cầu đối với tàu đóng mới không cao và chu kỳ phải sửa chữa tàu thủy là khá lâu), hầu hết các nguyên liệu, thiết bị cho tàu thủy vẫn phải nhập ngoại trong khi đây là ngành có nhiều tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là ở khu vực ven biển.

- Công nghiệp sản xuất kim loại

Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có nhiều thế mạnh cho phát triển sản xuất kim loại, trong đó nổi trội là sự thuận tiện về nhập khẩu nguyên liệu, thị trường tiêu thụ và khả năng thu hút vốn. Năm 2016, công nghiệp sản xuất kim loại chiếm tỉ trọng cao thứ 3 toàn vùng với 8,6%. Sản phẩm chủ yếu của ngành là sản xuất thép xây dựng. Về phân bố, do đặc điểm gắn liền với nguồn nguyên liệu nhập là chủ yếu nên các nhà máy sản xuất kim loại của vùng tập trung chủ yếu ở Hải Phòng và dọc tuyến quốc lộ 5 nhờ vào lợi thế về giao thông vận tải.

- Công nghiệp chế biến thực phẩm - đồ uống

Công nghiệp chế biến thực phẩm - đồ uống là ngành mang tính truyền thống và có nhiều thế mạnh phát triển ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, đặc biệt là thế mạnh về nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ. Chính vì thế nó được xếp vào hàng thứ tư với 7,4% giá trị sản xuất công nghiệp của vùng (năm 2016). Các sản phẩm chính bao gồm hai nhóm: thực phẩm và đồ uống, trong đó nhóm thứ hai phát triển mạnh. Sản xuất bia có mặt ở hầu hết các địa phương. Ngoài bia Hà Nội đã có thương hiệu còn có các liên doanh bia như Halida, Heiniken, Đại Việt... đang hoạt động có hiệu quả. Nước giải khát cũng có điều kiện phát triển. Công nghiệp chế biến thực phẩm cũng phát triển rộng khắp, đặc biệt là công nghiệp xay xát, sản xuất bánh kẹo... Công nghiệp chế biến thủy sản tập trung chủ yếu ở Hải Phòng, Quảng Ninh; công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa phân bố chủ yếu ở khu vực ven Hà Nội; công nghiệp chế biến rau quả phân bố ở Hải Dương, Hải Phòng.

- Công nghiệp dệt may, da giày năm 2016 đứng thứ sáu về tỉ trọng giá trị sản xuất công nghiệp của vùng. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có nhiều lợi thế về phát triển ngành dệt may, da giày nhờ vào nguồn lao động đông đảo, thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng và sản phẩm dệt may, da giày của nước ta có uy tín trên thị trường quốc tế. Một số công ty may có thương hiệu và lịch sử phát triển từ sớm như: May 10, Đức Giang, Hanosimex...

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

Ngành công nghiệp vật liệu xây dựng chiếm 4,6% giá trị sản xuất công nghiệp cả vùng năm 2016. Các sản phẩm của ngành này tương đối đa dạng, trong đó nổi bật là xi măng do có nguồn nguyên liệu đá vôi dồi dào và phân bố tập trung. Trong vùng hiện có nhiều nhà máy xi măng công suất lớn đang hoạt động như như Chinh Fong (Hải Phòng), Hoàng Thạch, Phúc Sơn (Hải Dương), Cẩm Phả (Quảng Ninh)... Tuy nhiên, việc xây dựng các nhà máy xi măng cần chú ý đến hiệu quả cả 3 mặt kinh tế, xã hội và nhất là môi trường. Ngoài đá vôi, các sản phẩm vật liệu xây dựng khác cũng đáng chú ý của vùng là gạch chịu lửa, gạch trang trí, bê tông đúc sẵn...

- Bên cạnh các ngành công nghiệp chiếm tỉ trọng lớn còn có một số ngành tuy nhỏ hơn về quy mô giá trị sản xuất, nhưng lại là ngành truyền thống và có thương hiệu mà

khai thác than là một ngành như thế. Nói đến vùng này không thể không đề cập đến ngành khai thác than, than đá của nước ta tập trung chủ yếu ở tỉnh Quảng Ninh. Sản phẩm của ngành phần lớn phục vụ cho hai ngành dùng nhiều than nhất là nhiệt điện và sản xuất xi-măng. Sản lượng than khai thác hàng năm ở đây chiếm hơn 96% của cả nước với quy mô khai thác bình quân khoảng 35-40 triệu tấn/năm.

- Công nghiệp điện, dầu chỉ chiếm 3,1% giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng năm 2016, nhưng các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than với số lượng nhiều nhất, công suất lớn nhất đều tập trung ở vùng này. Hàng loạt nhà máy điện phân bố chủ yếu ở Quảng Ninh (gồm các nhà máy như Phả Lại, Uông Bí, Cẩm Phả, Mông Dương), Hải Dương (gồm các nhà máy Phả Lại 1, Phả Lại 2). Ngoài ra, các ngành khác như dệt may - da giày, hóa chất-phân bón cũng được phát triển mạnh. Rõ ràng, công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có hàng loạt ngành, phát triển nhanh, trong đó có nhiều ngành có ý nghĩa nội vùng và cả nước.

2.3. Định hướng phát triển công nghiệp Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

Ngành công nghiệp của một lãnh thổ chỉ phát triển hiệu quả, bền vững khi hình thành được cơ cấu và hướng chuyên dịch phù hợp, trong cơ cấu công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, bên cạnh những thành tựu nổi bật như tốc độ tăng trưởng cao, cơ cấu ngành đang chuyển dịch theo hướng tích cực, giá trị gia tăng khá cao, vẫn còn những hạn chế như: tỉ lệ các ngành hiện đại còn thấp, tỉ lệ gia công, lắp ráp cao, sản phẩm công nghiệp phụ thuộc quá nhiều vào khu vực FDI, xét về lãnh thổ, xuất hiện một số khu vực quá tải, tình trạng lãng phí đất nông nghiệp còn nhiều,... để hạn chế bớt các tồn tại trên cần có những định hướng phát triển công nghiệp phù hợp, tác giả đề xuất định hướng xây dựng cơ cấu ngành công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ cho giai đoạn 2018 – 2030, trên cơ sở tổng hợp các quy hoạch của các cơ quan chức năng và Chính phủ [13, 14], như sau:

- Ưu tiên đầu tư phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, có hàm lượng khoa học công nghệ cao và tạo ra giá trị gia tăng lớn. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ có lợi thế so sánh nổi bật về nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, năng lực tiếp nhận các thành tựu khoa học kỹ thuật để xây dựng cơ cấu công nghiệp hiện đại, hiệu quả. Tuy vậy, thực trạng cơ cấu công nghiệp của vùng trong giai đoạn 2005 – 2016 cho thấy các ngành thâm dụng lao động, tài nguyên và nguyên liệu vẫn chiếm tỉ trọng rất lớn. Điều đó cho thấy cơ cấu này chưa khai thác tốt các lợi thế so sánh nêu trên. Chính vì vậy, trong giai đoạn tới, vùng cần tập trung ưu tiên, khuyến khích phát triển các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao và tạo ra giá trị gia tăng lớn. Định hướng này được cụ thể hóa qua một số điểm sau:

Ưu tiên phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp mới có hàm lượng công nghệ, kỹ thuật cao trong lĩnh vực sản xuất hàng điện tử, cơ khí chế tạo... trở thành ngành, sản phẩm công nghiệp mũi nhọn tiến đến trở thành các ngành công nghiệp chủ lực của vùng. Qua biểu hiện về mặt số lượng cho thấy tỉ trọng của các ngành nêu trên trong giai đoạn 2005 -2016 có xu hướng ngày càng tăng song vấn đề cốt lõi là trong chuỗi giá trị của sản phẩm, vùng mới chỉ đảm nhận khâu lắp ráp và đóng gói là chủ yếu vì thế giá trị gia tăng thường thấp. Vì thế, trong giai đoạn tới việc phát triển nhóm ngành này cần chú trọng hơn nữa trong việc phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ nhằm nâng cao tỉ lệ nội địa hóa

trong sản phẩm để giảm nhập khẩu, hạ giá thành và tạo ra giá trị gia tăng cao hơn. Chú trọng đầu tư theo chiều sâu đối với các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh trong tương lai như điện tử dân dụng, thiết bị viễn thông, cơ khí chế tạo. Nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lớn, đội ngũ nhân lực trình độ cao và công nghệ hiện đại, Chính phủ cũng như các địa phương trong Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ cần nhanh chóng kiến tạo hành lang pháp lý, quản lý phù hợp hơn nhằm thu hút FDI, đặc biệt là từ các tập đoàn xuyên quốc gia, đa quốc gia hàng đầu thế giới.

Khuyến khích, hỗ trợ phát triển đối với các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ mà trước mắt là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp hỗ trợ cho các ngành hạt nhân của vùng nhằm gia tăng tỉ lệ nội địa hóa, giá trị gia tăng và dần tiếp cận với công nghệ nguồn của các tập đoàn hàng đầu trên thế giới.

- Đẩy mạnh phát triển mạnh các ngành công nghiệp hiện có của vùng có khả năng khai thác tốt các lợi thế về thị trường, lao động. Nhóm các ngành này bao gồm một số ngành đang chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu như: công nghiệp cơ khí chế tạo các phương tiện vận tải, công nghiệp luyện kim, công nghiệp sản xuất các thiết bị điện tử và máy tính, công nghiệp dệt may, da giày, công nghiệp chế biến thực phẩm đồ uống, sản xuất điện... Việc phát triển các ngành này nhằm giải quyết nhu cầu thị trường nội vùng rộng lớn và thị trường bên ngoài vùng, nhất là thị trường xuất khẩu đối với các mặt hàng như dệt may, da giày, hàng điện tử. Trong tương lai gần đây sẽ vẫn là các ngành đóng góp chủ lực cho tăng trưởng công nghiệp của vùng vì thế cần phát huy vai trò này. Tuy vậy, trong sản xuất cần không ngừng hiện đại hóa dây chuyền công nghệ nhằm cải tiến năng suất và giảm các tác động xấu tới môi trường, đặc biệt là đối với một số ngành có nhiều nguy hại tới môi trường như nhiệt điện, chế biến thực phẩm – đồ uống... Tiếp tục phát triển mạnh các ngành có lợi thế về lao động để vừa đạt được các mục tiêu kinh tế, vừa tạo việc làm và góp phần giải quyết các vấn đề xã hội không chỉ của riêng Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ mà của cả nước. Đối với các ngành thâm dụng lao động cần có các bước chuyển căn bản nhằm nâng cao năng suất lao động, tạo ra nhiều giá trị gia tăng. Giảm dần tỷ trọng gia công cùng với việc tăng cường đầu tư đổi mới công nghệ, tổ chức lại quá trình sản xuất là những công việc trọng yếu mà các doanh nghiệp công nghiệp trong vùng thuộc nhóm ngành này phải thực hiện với sự hỗ trợ hợp lý của Nhà nước.

- Phát triển có giới hạn các ngành khai thác tài nguyên, đặc biệt là những loại tài nguyên không thể tái tạo. Trong chuỗi giá trị của ngành công nghiệp khai thác cần chú trọng hơn công nghệ chế biến nguyên liệu nhằm nâng hiệu quả tài nguyên.

3. Kết luận

Cơ cấu ngành công nghiệp có vai trò đặc biệt quan trọng bởi nó phản ánh mặt chất của phát triển công nghiệp. Cơ cấu công nghiệp được xem là hiệu quả khi khai thác hiệu quả về kinh tế, xã hội – môi trường của các nguồn lực cho phát triển công nghiệp. Cơ cấu công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đã phản ánh được việc khai thác các thế mạnh của vùng, đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiều ngành công nghiệp phát triển nhanh và có vai trò quan trọng. Tuy nhiên, cơ cấu ngành công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ còn có một số hạn chế như tỉ lệ các ngành hiện đại còn thấp, tỉ lệ gia công, lắp ráp cao, tốc độ chuyển dịch còn chậm. Việc đưa ra định hướng phát triển công nghiệp vừa phát huy được những lợi thế trong phát

triển, vừa khắc phục được hạn chế có ý nghĩa rất quan trọng cho phát triển công nghiệp của vùng trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Joachim, F. C. (1929). Alfred Weber's theory of the location of industries (English edition). Chicago. The University of Chicago Press.
- [2] North, D. C. (1955). Location Theory and Regional Economic Growth. Journal of Political Economy (Chicago Journal), Vol. 63, No. 3 (Pg243-258).
- [3] Amiti, M. (1998). New trade theories and industrial location in the EU: a survey of evidence. Oxford Review of Economic Policy, Volume 14, Issue 2.
- [4] Rodrik, Dani. (2007). Industrial development: Some stylized facts and policy directions. Report: Industrial Development for the 21st Century: Sustainable Development Perspectives.
- [5] Nguyễn Minh Tuệ chủ biên (2005). Địa lí Kinh tế - Xã hội đại cương. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.
- [6] Lê Thông (2011). Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.
- [7] Ngô Thắng Lợi (2012). Giáo trình Kinh tế phát triển. Hà Nội. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
- [8] Dương Đình Giám (2014). Việt Nam nên lựa chọn các ngành, lĩnh vực công nghiệp nào để ưu tiên phát triển. Tuyển tập công trình “Tái cơ cấu kinh tế để phục hồi tốc độ tăng trưởng” (PGS.TS Bùi Tất Thắng – TS Trần Hồng Quang – TS Lưu Đức Hải đồng chủ biên), NXB Khoa học xã hội. Hà Nội.
- [9] Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2018). Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 07 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam. Hà Nội.
- [10] Cục Thống kê các tỉnh/thành phố Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (gồm các tỉnh/thành phố Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Dương, Hải Phòng, Hưng Yên) (2013, 2017). Niên giám thống kê tỉnh/thành phố các năm 2013, 2017. NXB Thống kê. Hà Nội.
- [11] Tổng cục Thống kê (2011, 2014, 2017). Niên giám thống kê các năm 2010, 2013, 2016. NXB Thống kê. Hà Nội.
- [12] Tổng cục Thống kê (2016). Động thái và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015. NXB Thống kê. Hà Nội.
- [13] Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2014). Quyết định 198/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Hà Nội.
- [14] Thủ tướng Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (2016). Quyết định 844/QĐ-TTg ngày tháng 5/2016 phê duyệt Đề án Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025.

Đỗ Anh Dũng

ABSTRACT

Assessment of the structure of industry structure in the Central economic zones

Do Anh Dung

Secondary Education Department, Ministry of Education and Training

This study assesses the current status of industry structure in the Northern key economic region according to the following criteria: industrial structure: scale and growth rate of industrial production value, scale and mechanics structure of industrial production value by 4 groups in the period from 2005 to 2016. Evaluation results show that the scale of industrial production value in the region increased rapidly, contributing high to increase the value of production value. Industrial production nationwide demonstrating the exploitation and promotion of industrial development resources plays an important role in our country's industry. In the industrial structure of the Northern key economic region, the informatics is processing and manufacturing electronic industries account for a high proportion. These industries are considered as the driving force for the industrial development in the region. Assessing the status of industrial structure development is one of the important arguments to set the direction of industrial development for the region.

Key words: Industry structure, Northern key economic region